

Bản án số: 633 /2020/HS- PT

Ngày: 26/10/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Lê Thành Văn

- ***Các thẩm phán:*** Ông Phan Tô Ngọc

Ông Hoàng Minh Thịnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Cán bộ thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 431/2019/TLPT- HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Việt D và Thái Hữu D1.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Lê Thị H**, sinh năm 1963 tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Cha: Lê N (đã chết); mẹ: Đinh Thị G (đã chết); Chồng: Nguyễn Th, sinh năm 1964 và có 03 con nhỏ nhất sinh năm 1986 và lớn nhất sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2014, thay đổi biện pháp tạm giam ngày 04/01/2018 - Có mặt.

- ***Bào chữa cho bị cáo Lê Thị H có luật sư:*** Nguyễn Văn Q – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

2. Bị cáo **Trần Việt D**, sinh năm 1978 tại tỉnh An Giang;

Nơi cư trú: khu phố Nh, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Cha: Trần Văn Q, sinh năm 1947; Mẹ: Đỗ Thị Kh, sinh

năm 1951; Vợ: Đào Thị Hồng L, sinh năm 1978 và có 02 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/9/2015 đến ngày 01/7/2016 được thay đổi biện pháp tạm giam - Có mặt.

- *Bào chữa cho bị cáo Trần Việt D có các luật sư:* Võ Cát T – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội và Phạm Quang H – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

3. Bị cáo **Thái Hữu D1**, sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Xóm 3, xã X, huyện Y, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: khu phố T, phường T1, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên ngân hàng; Cha: Thái Hữu Y, sinh năm 1945; Mẹ: Bùi Thị Q, sinh năm 1950; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/9/2015 đến ngày 01/7/2016 được thay đổi biện pháp tạm giam - Có mặt.

- *Bào chữa cho bị cáo Thái Hữu D1 có các luật sư:* Võ Cát T – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội và Phạm Quang H – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- ***Nguyên đơn dân sự:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ: đường B, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, sinh năm 1970; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm 1982 – Cán bộ pháp chế Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Ông Lê Ánh D – Nhân viên của Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Thị Diệu Nh, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; cùng nơi cư trú: Ấp X, xã L, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Th, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

4/ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: đường B, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

5/ Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ B; địa chỉ: đường Ng, Phường 12, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng và nội dung án sơ thẩm nêu hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Công ty TNHH TM Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ), địa chỉ: Số 366, ấp X, xã L, huyện B1 (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700690900 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 03/11/2005, thay đổi lần thứ 4 ngày 30/12/2009. Ngành nghề kinh doanh: Mua bán, chế biến hàng nông sản xuất khẩu, kinh doanh các loại phân bón, mua bán mủ cao su. Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng. Công ty Đ có 02 thành viên: Lê Thị H - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, tỷ lệ góp vốn 73% và Nguyễn Thị Diệu Nh (con ruột của Lê Thị H) là Phó giám đốc, tỷ lệ góp vốn 27%.

Năm 2007, Công ty Đ tiến hành lập hồ sơ vay vốn của Ngân hàng TMCP K - chi nhánh Bình Dương (viết tắt là KBank Bình Dương). Hình thức vay vốn là cầm cố hàng hóa (tiêu) và thế chấp bất động sản, số tiền được vay tương đương 60% giá trị tài sản cầm cố, thế chấp. Sau 03 - 04 tháng (tùy theo khế ước), Công ty Đ trả lãi vay, nợ gốc cho KBank Bình Dương để được giải chấp hàng hóa. Từ năm 2007 đến tháng 12 năm 2011, Công ty Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay (cầm cố, thế chấp vay đi vay lại nhiều lần trong năm) đầy đủ cho KBank Bình Dương và được KBank Bình Dương giải chấp hàng hóa cầm cố.

Ngày 28/4/2011, KBank Bình Dương và Công ty Đ ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 11245/HĐHMTD/TCB-BD, giá trị hạn mức là 40 tỷ đồng. Để được giải ngân số tiền 40 tỷ đồng, theo yêu cầu của Ngân hàng KBank Bình Dương, H phải thực hiện cầm cố số hàng hóa 498 tấn tiêu đen của Công ty Đ và thế chấp 06 bất động sản để đảm bảo cho khoản vay. Căn cứ vào hạn mức tín dụng được cấp, tháng 5 năm 2011 và tháng 9 năm 2011, Lê Thị H đưa 498 tấn tiêu đen và 06 bất động sản vào cầm cố để vay 40 tỷ đồng của KBank Bình Dương, Lê Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay đầy đủ cho KBank Bình Dương và được KBank Bình Dương giải chấp tài sản cầm cố để làm thủ tục vay lại.

Ngày 21, 23, 26, 28 và 30/12/2011 và ngày 06/01/2012, Nguyễn Thị Diệu Nh – Phó Giám đốc Công ty Đ được Lê Thị H ủy quyền đến Phòng Giao dịch KBank S ký kết 06 khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 808, 809, 810, 812, 813, 814 vay của KBank Bình Dương số tiền 40 tỷ đồng theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 11245/HĐHMTD/TCB-BD ngày 28/4/2011. Việc cung cấp hồ sơ, chứng từ để ngân hàng giải ngân số vốn trên do H lập hồ sơ và cung cấp cho các nhân viên ngân hàng gồm Thái Hữu D1, Trần Việt D.

Trong quá trình làm hồ sơ vay vốn theo 06 khế ước vào các ngày 21, 23, 26, 28, 30/12/2011 và ngày 06/01/2012 với KBank Bình Dương, H đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách sử dụng các hóa đơn, chứng từ thể hiện cầm cố cho ngân hàng lô tiêu 498 tấn tiêu đen, nhưng thực tế hàng hóa cầm cố là 196.252 kg tiêu lép, tiêu bụi, tiêu trứng để tại kho của Công ty Đ.

Chứng từ chứng minh số lượng thực tế hàng hóa cầm cố trên hồ sơ vay, H sử dụng các hóa đơn giá trị gia tăng trong quá trình kinh doanh, khách hàng xuất bán tiêu chắc cho H để hợp thức hóa hồ sơ vay, số tiêu này H đã bán nội địa hoặc xuất khẩu ra nước ngoài cho khách hàng, không phải lô tiêu tại kho của Công ty Đ mà H thực hiện giao dịch cầm cố cho ngân hàng.

Theo yêu cầu của ngân hàng, khách hàng vay phải chứng minh chất lượng hàng hóa bằng chứng thư giám định, H đã thuê Công ty TNHH Giám định V Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là V) cấp 06 chứng thư kết luận chất lượng hàng hóa đối với lô hàng. Theo yêu cầu của H, vào cuối tháng 12 năm 2011, ông Nguyễn Ngọc Tâm – Giám định viên của Công ty V được phân công đến kho của Công ty Đ 06 lần để thực hiện việc giám định. Khi đến Công ty Đ, ông Tâm được H và nhân viên Công ty Đ dẫn xuống kho chỉ 06 lô hàng cần giám định và cho biết khối lượng của từng lô hàng và tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên 5 - 10% thực hiện giám định theo quy trình do V ban hành, về khối lượng là do Công ty Đ khai báo (ghi rõ trong chứng thư giám định). Sau đó, báo cáo kết quả về V để cấp 06 chứng thư cho Công ty Đ. V là công ty giám định dịch vụ, do đó V chỉ giám định những nội dung thỏa mãn yêu cầu của Công ty Đ và cấp chứng thư cho Công ty Đ. Chứng thư có hiệu lực tại thời điểm cấp chứng thư và có sự giám sát của Giám định viên. Việc giám định của ông Tâm thực hiện đúng quy trình của V.

Báo cáo thuế năm 2011 của Công ty Đ cung cấp cho nhân viên KBank Bình Dương để lập hồ sơ vay vốn 40 tỷ đồng vẫn thể hiện hoạt động kinh doanh có lãi (mặc dù thực tế kinh doanh thua lỗ) là do H cung cấp hóa đơn, chứng từ và thuê Đoàn Thị Ph (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) làm báo cáo tài chính để hợp thức hóa thủ tục vay ngân hàng.

Mặc dù hàng hóa Công ty Đ cầm cố cho ngân hàng không đúng thực tế, có gian dối về số lượng, chất lượng so với hồ sơ vay vốn do H lập nhưng các nhân viên ngân hàng vẫn không phát hiện vì đã không thực hiện đúng các quy trình thẩm định, kiểm tra thực tế hàng hóa và luân chuyển hàng hóa theo quy định của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP K.

Thái Hữu D1 là chuyên viên khách hàng doanh nghiệp của Phòng Giao dịch KBank S trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục, hồ sơ vay của Công ty Đ. Trần Việt D là Trưởng Phòng Giao dịch KBank S là người kiểm tra thủ tục, hồ

sơ vay, đề xuất giải ngân cho Công ty Đ nhưng D1, D không đến kho của Công ty Đ để kiểm tra thực tế hàng hóa cầm cố nên không phát hiện lô tiêu mà H sử dụng cầm cố cho ngân hàng theo các khế ước nhận nợ là không đúng với khối lượng, chất lượng như hồ sơ vay vốn H cung cấp cho KBank Bình Dương.

Đến ngày 25/9/2012, Công ty Đ bàn giao tài sản thế chấp cho KBank Bình Dương để xử lý thu hồi nợ. Khi bàn giao thì các bên có lập biên bản xác nhận hàng hóa trong kho vẫn nguyên niêm chì, niêm phong, nguyên hiện trạng ban đầu, không bị xáo trộn, di dời. Xác định đúng là hàng hóa đã cầm cố, thế chấp vay vốn theo các khế ước nhận nợ ngày 21, 23, 26, 28, 30/12/2011 và ngày 06/01/2012. Sau khi tiếp nhận lô hàng, KBank Bình Dương cùng với Công ty Đ, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kho vận LA+ (đơn vị bảo vệ lô hàng), Công ty TNHH Giám định V Thành phố Hồ Chí Minh cùng tiến hành kiểm tra thực tế chất lượng, khối lượng lô hàng cầm cố và xác định khối lượng tiêu chỉ còn 200.367 kg; chất lượng: Tiêu nhẹ, tiêu trứng, tiêu bụi.

Ngày 05/11/2012, Ngân hàng TMCP K nộp đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương yêu cầu điều tra làm rõ hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của Lê Thị H và xử lý đúng theo quy định của pháp luật. Từ tháng 12 năm 2011 cho đến khi vụ án được khởi tố điều tra (ngày 24/9/2014), Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay cho KBank Bình Dương.

Ngày 07/7/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Dương ra quyết định trưng cầu Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 giám định khối lượng, chất lượng số tiêu nêu trên. Ngày 10/9/2015, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 có Thông báo kết quả giám định số 0163/N3.15/TĐ xác định: Tổng khối lượng lô hàng là 196.252 kg, gồm: Tiêu nhẹ: 11.330 kg, tiêu bụi: 173.140 kg, tiêu trứng (T): 8.271 kg, tiêu trứng (B): 3.012 kg, tạp chất lạ (không phải tiêu): 499 kg.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản ngày 02/10/2015 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: Tổng số lượng tiêu có giá trị tại thời điểm cầm cố tài sản tháng 12 năm 2011 là 1.133.368.000 đồng và thời điểm khởi tố vụ án ngày 24/9/2014 là 1.771.726.400 đồng.

06 bất động sản Lê Thị H thế chấp cho KBank Bình Dương tại thời điểm vay theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 11245/HĐHMTD/TCB-BD ngày 28/4/2014 được xác định giá trị tài sản bảo đảm là 3.328.594.000 đồng.

Nguyễn Thị Diệu Nh ký tên vào 06 bộ hồ sơ vay, 06 khế ước nhận nợ, 06 phiếu lĩnh tiền mặt với tổng số tiền là 40 tỷ đồng. Vào các ngày 21, 23, 26, 28, 30/12/2011 và ngày 06/01/2012, Nh đến Phòng Giao dịch KBank S và Thái Hữu D1 đưa cho Nh 06 bộ hồ sơ vay, 06 khế ước nhận nợ, 06 phiếu lĩnh tiền

mặt với tổng số tiền là 40 tỷ đồng và Nh ký tên, đóng dấu Công ty Đ vào các hồ sơ trên theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2011 của H. Nh không biết việc Lê Thị H đem số tiêu không đủ chất lượng, số lượng lập hồ sơ vay Ngân hàng KBank Bình Dương.

Đối với ông Trần Huy Kh – nguyên là Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng KBank Bình Dương thực hiện việc kiểm tra hồ sơ 06 khế ước vay của Công ty Đ do Phòng Giao dịch KBank S luân chuyển đến bằng hình thức scan qua mạng nội bộ của ngân hàng, ông Khu thấy hồ sơ thể hiện nguồn gốc lô hàng cầm cố, biên bản kiểm tra kho hàng, phiếu nhập kho, chứng thư giám định chất lượng lô hàng, phiếu luân chuyển... đầy đủ các chứng từ đảm bảo cho khoản vay nên ký tên, đóng dấu vào khế ước nhận nợ, hợp đồng cầm cố tài sản chuyển lại cho phòng giao dịch để trình cấp trên giải ngân số tiền 40 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty Đ tại KBank S. Căn cứ vào quy trình và các quyết định do Ngân hàng TMCP K ban hành chức năng, nhiệm vụ của Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh thì ông Khu chỉ thực hiện việc ký lấy dấu chi nhánh, mọi công tác kiểm tra thẩm định lô hàng, đánh giá khoản vay do Phòng Giao dịch KBank S chịu trách nhiệm.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, các bị cáo Trần Việt D, Thái Hữu D1 phạm tội "Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng".

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H tù chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/10/2014 đến ngày 04/01/2018.

- Căn cứ khoản 3 Điều 179; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009),

Xử phạt: Bị cáo Trần Việt D 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/9/2015 đến ngày 01/7/2016.

Xử phạt: Bị cáo Thái Hữu D1 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 03/9/2015 đến ngày 01/7/2016.

- Án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 19/6/2019 bị cáo Lê Thị H làm đơn kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội lừa đảo.

- Ngày 05/6/2019 bị cáo Trần Việt D và bị cáo Thái Hữu Duân làm đơn kháng cáo đề nghị được miễn hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Để có căn cứ buộc tội bị cáo cần phải làm rõ ý thức chiếm đoạt. Hồ sơ vụ án cho thấy khi vay bị cáo thế chấp gần 500 tấn tiêu và 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trả lãi trên 30 tỷ đồng. Số lượng tiêu thế chấp đã có kết luận của V, lý do vì sao lượng tiêu thế chấp không còn chất lượng và hao hụt hơn cũng cần được làm rõ. 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản mà bị cáo H dùng để thế chấp cho hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011, án sơ thẩm nhận định 06 bất động sản mà bị cáo H thế chấp chỉ có giá trị đảm bảo cho khoản vay 1.913.829.800 đồng là không chính xác. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ án sơ thẩm giao về điều tra lại theo quy định của pháp luật.

- Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo: Ngân hàng căn cứ khế ước vay sau cùng để đề nghị khởi tố bị cáo H là không đúng, cần phải xem xét vụ việc này xuyên suốt từ năm 2007 đến nay, các chứng cứ cho thấy việc bị cáo và ngân hàng ký hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 là không có thật, mục đích chỉ nhằm hợp thức hóa khoản vay trước đó. Bị cáo H không vay 40 tỷ, Ngân hàng cũng không duyệt cho bị cáo H vay một lần 40 tỷ đồng mà đây là khoản nợ từ năm 2007 đến năm 2010, nhìn bảng kê chi tiết số tiền giải ngân và số lần thanh toán càng cho thấy việc vay và hợp thức hóa chứng từ. Ngày 25/9/2015 giữa bị cáo và Ngân hàng có cuộc họp cam kết bán tài sản cầm cố để trả cho Ngân hàng. Thực tế trong thời gian qua bị cáo đã trả cho Ngân hàng trên 31 tỷ đồng tiền lãi. Do đó kết luận bị cáo H lừa đảo là không đúng, chúng ta đang hình sự hóa quan hệ dân sự. Luật sư H và luật sư T thống nhất quan điểm của luật sư Q, các luật sư cho rằng quan hệ tín dụng giữa bị cáo H và Ngân hàng diễn ra từ năm 2007, các bị cáo D, bị cáo D1 mới vào Ngân hàng sau này, nên việc buộc tội các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay của bị cáo H trước đó là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy án để làm rõ hành vi của các bị cáo có phạm tội không.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của luật sư và đại diện Viện kiểm sát xét thấy:

[1] Bị cáo Lê Thị H khai bị cáo là khách hàng của Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh Bình Dương từ năm 2007, cụ thể năm 2007 bị cáo vay 7 tỷ đồng; năm 2008 bị cáo vay 14 tỷ đồng nhưng thực nhận 7 tỷ đồng, còn 7 tỷ đồng trả cho khoản vay 2007; năm 2009 vay 25 tỷ đồng, thực nhận 11 tỷ đồng, còn trả khoản vay 14 tỷ đồng năm 2008; cứ như vậy năm 2010 vay 40 tỷ đồng, thực nhận 15 tỷ đồng, còn trả khoản vay 25 tỷ đồng của năm 2009. Khi vay bị

cáo thế chấp lô hàng 498 tấn tiêu và 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo đã trả lãi cho Ngân hàng trên 30 tỷ đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thừa nhận quá trình vay bị cáo H có trả lãi cho Ngân hàng trên 30 tỷ đồng. Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Thị H và Ngân hàng thương mại cổ phần K – Chi nhánh Bình Dương có quan hệ tín dụng nhiều năm, hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 không phải là hợp đồng tín dụng đầu tiên giữa bị cáo H với Ngân hàng.

[2] Vấn đề đặt ra ở đây là bị cáo H có lừa đảo Ngân hàng thông qua hợp đồng tín dụng 11245 và hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 có liên quan đến các hợp đồng tín dụng trước đó không? Bị cáo có ý thức chiếm đoạt số tiền 40 tỷ đồng của Ngân hàng hay không cần phải điều tra làm rõ các nội dung sau:

- Theo hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 để được vay 40 tỷ đồng, Công ty Đ (*bị cáo H*) thế chấp 498 tấn tiêu và 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số tiêu thế chấp đã được mua bảo hiểm hàng hóa, đưa vào kho, trên pháp lý Ngân hàng là người đang giữ lượng tiêu trên của công ty Đ (Công ty AMS), chứng thư thẩm định của V xác định độ ẩm, dung trọng, tạp chất, tiêu đen được đóng trong bao PP 50 kg tịnh mỗi bao. Tuy nhiên khi Ngân hàng yêu cầu giám định thì tại chứng thư giám định 12G04ND 1900 – 01 ngày 10/10/2012 V kết luận tiêu đóng trong bao PP khoảng 25kg tịnh/bao và số lượng hàng hóa chỉ còn 196,252 kg. Nếu cho rằng bị cáo H gian dối thì ai giúp sức cho bị cáo làm thất thoát số tiêu trên 200 tấn? Và tại sao trước đây tiêu đóng trong bao PP trọng lượng 50kg/bao, nay cũng trong bao PP nhưng trong bao 25kg/bao chưa được điều tra làm rõ.

- Làm rõ trong khoảng thời gian ngắn tại sao Công ty Đ trả nợ ngày trước thì ngày ngày hôm đó hoặc sang ngày hôm sau thì Ngân hàng giải ngân cho Công ty Đ vay bằng khoản tiền trả nợ và cứ như thế kéo dài cả năm số tiền vay trả nhiều tỷ đồng? Có hay không Ngân hàng cho vay khoản tín dụng sau để trả cho khoản vay trước cũng cần được làm rõ để từ đó xác định tính trách nhiệm của những người có thẩm quyền ở Ngân hàng đối với số tiền 40 tỷ đồng chưa thu hồi được.

- Tại phiên tòa bị cáo khai đã trả cho Ngân hàng trên 30 tỷ đồng tiền lãi, đại diện Ngân hàng cũng thừa nhận bị cáo có trả lãi cho Ngân hàng khoản tiền trên. Cần làm rõ khoản tiền lãi trên trả cho các hợp đồng tín dụng nào? Khoản tiền trả lãi cuối cùng ngày 15/3/2012 có phải trả cho khoản vay của hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 không?

- Khi ký hợp đồng tín dụng 11245 ngày 28/4/2011 ngoài thế chấp số lượng tiêu đen, Công ty Đ còn thế chấp 06 bất động sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cần làm rõ vì sao 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp trên không được xem là tài sản thế chấp đối với khoản vay 40 tỷ đồng?

[3] Hành vi của bị cáo Trần Việt D, Thái Hữu D1 có liên quan đến hành vi của bị cáo Lê Thị H, do cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên cấp phúc thẩm không

thể khắc phục được nên cần phải hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm điều tra lại.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra lại, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

- Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 37/2019/HSST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Chuyển hồ sơ vụ án về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo quy định.

- Các bị cáo Lê Thị H, Trần Việt D, Thái Hữu D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Lưu.

Lê Thành Văn